



TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
ĐỖ HỒNG DƯƠNG – VŨ THỊ THANH HƯƠNG – VŨ THỊ LAN
NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – TRẦN KIM PHƯỢNG

Vở bài tập TIẾNG VIỆT 2

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
ĐỖ HỒNG DƯƠNG – VŨ THỊ THANH HƯƠNG – VŨ THỊ LAN
NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – TRẦN KIM PHƯỢNG

Vở bài tập TIẾNG VIỆT 2

TẬP MỘT

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY			4
1	1	Tôi là học sinh lớp 2	4
	2	Ngày hôm qua đâu rồi?	5
2	3	Niềm vui của Bi và Bống	8
	4	Làm việc thật là vui	9
3	5	Em có xinh không?	12
	6	Một giờ học	13
4	7	Cây xấu hổ	16
	8	Cầu thủ dự bị	17
ĐI HỌC VUI SAO			20
5	9	Cô giáo lớp em	20
	10	Thời khoá biểu	21
6	11	Cái trống trường em	24
	12	Danh sách học sinh	25
7	13	Yêu lắm trường ơi!	28
	14	Em học vẽ	29
8	15	Cuốn sách của em	32
	16	Khi trang sách mở ra	33
9	Ôn tập giữa học kì 1		36
NIỀM VUI TUỔI THƠ			40
10	17	Gọi bạn	40
	18	Tớ nhớ cậu	41
11	19	Chữ A và những người bạn	44
	20	Nhím nầu kết bạn	45

12	21	Thả điều	48
	22	Tớ là lê-gô	49
13	23	Rồng rắn lên mây	52
	24	Nặn đồ chơi	53
MÁI ẤM GIA ĐÌNH			56
14	25	Sự tích hoa tử muội	56
	26	Em mang về yêu thương	57
15	27	Mẹ	60
	28	Trò chơi của bố	61
16	29	Cánh cửa nhớ bà	64
	30	Thương ông	65
17	31	Ánh sáng của yêu thương	68
	32	Chơi chong chóng	69
18		Ôn tập và đánh giá cuối học kì 1	72

Quy ước viết tắt dùng trong sách

M: Mẫu

G: Gợi ý

SHS: Sách học sinh

EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY

TUẦN 1

Bài 1 TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2

1/ Những chi tiết nào trong bài cho thấy bạn nhỏ rất háo hức đến trường vào ngày khai trường? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

☐ vùng dậy

☐ muốn đến sớm nhất lớp

☐ chuẩn bị rất nhanh

☐ thấy mình lớn bổng lên

2/ Từ nào nói về các em lớp 1 trong ngày khai trường?

☐ ngạc nhiên

☐ háo hức

☐ rụt rè

3/ Từ ngữ nào có thể thay thế cho "loáng một cái"?

☐ một lúc sau

☐ trong chớp mắt

☐ chẳng bao lâu

4/ Nối câu với tranh tương ứng.



Mùa hè, em được chơi bóng đá thoải thích cùng các bạn.



Nghỉ hè, em thích nhất là được về quê cùng cả nhà.



Em nhớ nhất là lúc được xây lâu đài cát trên bãi biển.

5 ✎ Viết 2 – 3 câu về những ngày hè của em.

.....

.....

.....

Bài 2

NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?

1 ✎ Trong khổ thơ cuối bài, bố đã dặn bạn nhỏ làm gì để "ngày qua vẫn còn"?

- ☐ Cất tờ lịch vào trang vở
- ☐ Giữ sách vở sạch đẹp
- ☐ Học hành chăm chỉ

2 ✎ Dựa vào tranh minh họa bài đọc, hãy viết các từ ngữ chỉ người, chỉ vật.

M: mẹ, cánh đồng

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



3 Đặt 2 câu với từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 2.

.....

.....

4 Điền những chữ cái còn thiếu vào chỗ trống.

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
1	a	a
2	ă	á
3		ớ
4	b	bê
5		xê
6		dê
7	đ	đê
8		e
9	ê	ê

5 Viết lại các chữ cái dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái.

đ

c

b

d

a

ê

.....

6 Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào nhóm thích hợp.

(mũ, cặp sách, khăn mặt, đánh răng, chải đầu, đi học, ăn sáng, quần áo)

a. Từ ngữ chỉ đồ vật (đồ dùng): quần áo,

.....

b. Từ ngữ chỉ hoạt động: đánh răng,

.....

7 ✎ Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.

A

Bạn Hà

Bố em

Trường em

B

là bác sĩ.

là Trường Tiểu học Lê Quý Đôn.

là học sinh lớp 2A.

8 ✎ Dựa vào thông tin dưới tranh, viết câu trả lời cho các câu hỏi sau:



a. Bạn tên là gì?

.....
.....

b. Bạn học ở trường nào?

.....
.....

(Hà, Trường Tiểu học
Kim Đồng, thích đá bóng)

c. Bạn có sở thích gì?

.....
.....

9 ✎ Viết 2 – 3 câu giới thiệu về bản thân.

.....
.....
.....
.....
.....

1 Câu chuyện trong bài đọc diễn ra khi nào? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

☐ Vào một ngày mưa

☐ Vào một ngày không mưa

☐ Vào một ngày mưa, có cầu vồng xuất hiện

2 Dựa vào bài đọc, điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

Nếu có bảy hũ vàng, Bóng sẽ mua và

Còn Bi sẽ mua và

3 Khi biết không có bảy hũ vàng, Bóng cảm thấy thế nào?

☐ Bóng rất buồn và thất vọng.

☐ Bóng cảm thấy bình thường.

☐ Bóng vẫn vui vẻ và nghĩ ngay đến việc vẽ những gì anh Bi thích.

4 Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào nhóm thích hợp:

(hũ vàng, búp bê, Bi, Bóng, quần áo, ô tô, anh, em)

a. Từ ngữ chỉ người:

b. Từ ngữ chỉ đồ vật:

5 Viết lại những câu thể hiện sự ngạc nhiên của Bi trước sự xuất hiện của cầu vồng.

.....

.....

.....

Bài 4**LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI**

- 1 ✎ Điền vào chỗ trống từ ngữ chỉ hoạt động của mỗi người, mỗi vật sau theo mẫu.

Cái đồng hồ	M: báo phút, báo giờ
Con gà trống	
Con tu hú	
Chim	
Cành đào	
Chim cú mèo	
Bé	

- 2 ✎ Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu hoạt động.

A

Con gà trống

Cành đào

Cái đồng hồ

B

tích tắc, tích tắc, báo phút, báo giờ.

gáy vang báo trời sắp sáng.

nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ.

- 3 ✎ Theo em, vì sao bạn nhỏ trong bài đọc luôn luôn bận rộn mà lúc nào cũng vui?

.....

.....

.....

.....

4 ✎ Điền những chữ cái còn thiếu vào chỗ trống.

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
10	g	giê
11		hát
12		i
13	k	ca
14		e-lờ
15	m	em-mờ
16		en-nờ
17		o
18	ô	ô
19		ơ

5 ✎ Viết tên các cuốn sách dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái.



1.

4.

2.

5.

3.

6 ✎ Viết từ chỉ sự vật vào chỗ trống (theo mẫu).

M: quạt máy	làm mát		quét nhà
.....	treo quần áo		nấu thức ăn
.....	ngồi		

7 ✎ Gạch chân 5 từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn văn sau.

Bé làm bài. Bé đi học. Học xong, bé quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ. Bé luôn luôn bận rộn, mà lúc nào cũng vui.

8 ✎ Viết một câu về một việc em làm ở nhà.

.....

.....

9 ✎ Viết 2 – 3 câu kể một việc em đã làm ở nhà.

G:

- Em đã làm được việc gì?
- Em làm việc đó như thế nào?
- Nêu suy nghĩ của em khi làm xong việc đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5 EM CÓ XINH KHÔNG?

- 1** Sắp xếp các sự việc dưới đây theo đúng trình tự trong bài đọc (đánh số 1, 2, 3, 4 vào ô trống bên dưới).

Sau khi nói chuyện với dê, voi em nhổ khóm cỏ dại và gắn lên cằm làm râu.



Voi em luôn hỏi voi anh và nhận được câu trả lời: "Em xinh lắm!".



Voi em nhận ra mình chỉ xinh đẹp khi đúng là voi.



Nghe hươu nói, voi em liền gài sừng giả lên đầu.



- 2** Dựa vào bài đọc, nối câu thoại phù hợp với nhân vật (theo mẫu).

Chưa xinh lắm vì em không có đôi sừng giống anh.

dê

Em có xinh không?

hươu

Em xinh lắm!

voi em

Không, vì cậu không có bộ râu giống tôi.

voi anh

- 3** Tô màu những ô chứa từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể.

cỏ dại

đầu

râu

tai

gương

sừng

cằm

cành cây

- 4 ✎ Những từ ngữ nào dưới đây chỉ hành động của voi em? (đánh dấu ✓ vào ô trống dưới đáp án đúng)

☐ nhặt cành cây	☐ nhổ khóm cỏ dại	☐ lắc đầu
☐ ngắm mình trong gương	☐ khen	

- 5 ✎ Cuối cùng, voi em nhận ra mình xinh nhất khi nào?

.....

.....

Bài 6 MỘT GIỜ HỌC

- 1 ✎ Sắp xếp các sự việc dưới đây theo đúng trình tự trong bài đọc. (đánh số 1, 2, 3, 4 vào ô trống)

- ☐ Quang đã trở nên tự tin.
- ☐ Thầy giáo và các bạn động viên, khích lệ Quang.
- ☐ Quang cảm thấy lúng túng, ngượng ngịu.
- ☐ Thầy giáo yêu cầu các bạn tập nói trước lớp về bất cứ điều gì mình thích.

- 2 ✎ Theo em, điều gì khiến Quang trở nên tự tin? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước những đáp án đúng)

- ☐ Vì Quang được mời lên nói đầu tiên.
- ☐ Vì Quang được thầy giáo và các bạn động viên, khích lệ.
- ☐ Vì Quang cố gắng vượt qua sự nhút nhát.

3 ✎ Viết lại những câu hỏi trong bài đọc. Đó là câu hỏi của ai dành cho ai?

a.

b.

Đó là câu hỏi của dành cho

4 ✎ Điền những chữ cái còn thiếu vào chỗ trống.

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái	Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
20	p	pê	25		u
21	q	quy	26	ư	ư
22	r	e-rờ	27		vê
23	s	ét-sì	28	x	ích-xì
24		tê	29		i dài

5 ✎ Viết tên các bạn dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái.



Sơn



Xuân



Quân



Tuấn



Vân

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6 ✎ Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.

(mướt mà, đôi mắt, khuôn mặt, bầu bình, vầng trán, sáng, cao, đen láy, mái tóc, đen nhánh)

a. Từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể:

.....

.....

b. Từ ngữ chỉ đặc điểm:

.....

.....

7 ✎ Viết thêm 3 từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể, 3 từ ngữ chỉ đặc điểm.

.....

.....

.....

8 ✎ Đặt 3 câu nêu đặc điểm ngoại hình (theo mẫu).

M: Mái tóc óng mượt.

a.

b.

c.

9 ✎ Viết 3 – 4 câu kể những việc em thường làm trước khi đi học.

Những việc
em thường
làm trước
khi đi học.

- Rửa mặt, đánh răng
- Chải tóc
- Chuẩn bị đồng phục
- Ăn sáng

Em nhớ
sử dụng
các từ ngữ
trong khung
để viết.

- Trước tiên
- Tiếp theo
- Sau đó
- Cuối cùng

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7 CÂY XẤU HỔ

- 1 Dựa vào bài đọc, nối từ ngữ chỉ sự vật với từ ngữ chỉ hoạt động tương ứng.

hé mắt nhìn

vội bay đi

co rúm
mình lại

xôn xao

cây xấu hổ

cây cỏ
xung quanh

con chim xanh

tiếc

xuýt xoa

đậu trên cành
thanh maimở bừng
mắt lá

- 2 Đánh dấu ✓ vào ô trống dưới từ chỉ âm thanh.

xôn xao

☐

lóng lánh

☐

lạt xạt

☐

ào ào

☐

xanh biếc

☐

- 3 Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào cột phù hợp.

(xanh biếc, lóng lánh, cành thanh mai, cây xấu hổ, đẹp,
con chim xanh, cây cỏ, gió)

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
.....	
.....	
.....	

4 ✎ Đóng vai cây xấu hổ, viết tiếp để hoàn thiện câu.

Mình rất tiếc

.....

5 ✎ Dựa vào câu chuyện *Chú đỗ con*, viết 2 – 3 câu về hành trình hạt đỗ trở thành cây đỗ.

.....

.....

.....

Bài 8 < **CẦU THỦ DỰ BỊ**

1 ✎ Vì sao cuối cùng cả hai đội đều muốn gấu con về đội của mình?
(đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

☐ Vì gấu con chịu khó đi nhặt bóng.

☐ Vì gấu con đã đá bóng giỏi.

☐ Vì gấu con cố gắng chạy thật nhanh.

2 ✎ Viết lại lời khen của các bạn dành cho gấu con trong bài đọc.

.....

.....

.....

3 ✎ Viết lại những tên riêng được viết đúng chính tả.

(**Hồng, minh, Hùng, thuỳ, Phương, Giang**)

1. 2. 3. 4.

- 4 ✎ Viết tên của các bạn học sinh dưới đây theo thứ tự trong bảng chữ cái.

Nguyễn Ngọc Anh (1)

Nguyễn Mạnh Vũ (2)

Phạm Hồng Đào (3)

Hoàng Văn Cường (4)

Lê Gia Huy (5)

- 5 ✎ Viết họ và tên của em và 2 bạn trong tổ.

(1)

(2)

(3)

- 6 ✎ Viết tên các trò chơi dân gian dưới đây:



.....



.....



.....



.....

7 Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu hoạt động.

A

Các bạn

Con mèo

Cô giáo

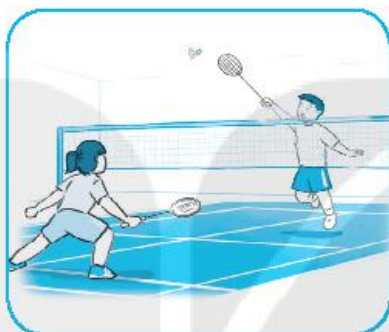
B

đuổi theo con chuột.

dạy chúng em hát.

chơi trốn tìm.

8 Viết câu nêu hoạt động trong từng tranh.



9 Dựa vào gợi ý, viết 3 – 4 câu kể về một hoạt động thể thao hoặc một trò chơi em đã tham gia ở trường.

G: – Hoạt động thể thao hoặc trò chơi em đã tham gia là gì?

– Em tham gia cùng với ai, ở đâu?

– Hoạt động hoặc trò chơi đó diễn ra như thế nào?

– Em cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó?

Bài 9 CÔ GIÁO LỚP EM

- 1 Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nói về cô giáo trong bài đọc.

A

Cô mỉm cười thật tươi

Cô đến lớp

Lời cô giảng

Cô dạy em

B

rất sớm.

thật ấm áp.

tập viết.

để đáp lại lời chào của học sinh.

- 2 Đánh dấu ✓ vào ô trống trước câu thể hiện sự ngạc nhiên của em khi lần đầu tiên được nghe một bạn hát rất hay.

☐ Ôi, cậu hát hay quá!

☐ Cậu hát đi!

☐ Lần nào cậu hát cũng hay!

☐ Ôi, chào cậu, lâu lắm mới thấy cậu đấy!

- 3 Gạch chân các từ ngữ chỉ hoạt động trong 2 khổ thơ sau:

Sáng nào em đến lớp
Cũng thấy cô đến rồi.
Đáp lời "Chào cô ạ!"
Cô mỉm cười thật tươi.

Cô dạy em tập viết
Gió đưa thoảng hương nhài
Nắng ghé vào cửa lớp
Xem chúng em học bài.

4 Đặt 2 câu với từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 3.

.....

.....

.....

5 Vì sao cậu bé Vũ Duệ trong truyện *Cậu bé ham học* được thầy khen? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ Vì Vũ Duệ biết trông em giúp mẹ.
- ☐ Vì Vũ Duệ chăm chú nghe thầy giảng bài.
- ☐ Vì Vũ Duệ trả lời đúng câu hỏi khó của thầy.

6 Viết 2 – 3 câu về nhân vật Vũ Duệ.

.....

.....

.....

Bài 10 **THỜI KHOÁ BIỂU**

1 Nếu không có thời khoá biểu, em sẽ gặp khó khăn gì?

- ☐ Phải mang tất cả sách vở đến lớp
- ☐ Không chủ động được việc chuẩn bị sách vở
- ☐ Không có sách để đi học

2 Dựa vào thời khoá biểu trong bài đọc, viết lại các môn học của ngày thứ Năm.

.....

.....

.....

- 3 ✎ Dựa vào thời khoá biểu trong bài đọc, hoàn thiện đoạn hội thoại sau:

Vân: Thứ mấy lớp mình có tiết Mỹ thuật?

Phương:

Vân: Lớp mình học môn Tự nhiên và Xã hội vào thứ mấy?

Phương:

- 4 ✎ Viết tên đồ vật có tiếng bắt đầu bằng c hoặc k dưới mỗi hình.



- 5 ✎ Chọn a hoặc b.

a. ch hoặc tr.

Mặt ời mọc rồi lặn

..... ên đôi ân lon ton

Hai ân ời của con

Là mẹ và cô giáo.

(Theo Trần Quốc Toàn)

b. v hoặc d.

Có con chim ành khuyên nhỏ

..... áng trông thật ngoan ngoãn quá

Gọi ạ, bảo âng lễ phép ngoan nhất nhà.

(Theo Hoàng Vân)

- 6 ✎ Gạch chân từ chỉ hoạt động thích hợp và viết câu nêu hoạt động.

a. Học sinh lớp 2A	viết	môn Mỹ thuật.	
	học		
	đọc		
b. Các bạn nữ	nhảy	dây.	
	kéo		
	chơi		

7 ✎ Viết từ ngữ chỉ hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi.

.....

.....

8 ✎ Dựa vào tranh dưới đây, viết câu nêu hoạt động của bạn Nam.



9 ✎ Viết thời gian biểu của em từ 5 giờ chiều (17:00) đến lúc đi ngủ.

Thời gian	Hoạt động
17:00	Đi học về

Bài 11 **CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM**

- 1** Tiếng trống trường trong khổ thơ cuối của bài đọc báo hiệu điều gì? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ Đến giờ ra chơi
☐ Đến giờ vào lớp
☐ Bắt đầu năm học mới

- 2** Đánh dấu ✓ vào ô trống dưới từ ngữ trong bài đọc nói về trống trường như nói về con người.

ngăm nghĩ

☐

mừng vui

☐

buồn

☐

đi vắng

☐

- 3** Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào nhóm thích hợp.

(đi vắng, cái trống, nghiêng đầu, giá, gọi, ve)

Từ ngữ chỉ sự vật	
Từ ngữ chỉ hoạt động	

- 4** Đánh dấu ✓ vào ô trống dưới lời tạm biệt bạn bè khi em bắt đầu nghỉ hè.

Ôi, chào cậu, lâu lắm mới thấy cậu đấy!

☐

Chào cậu, nghỉ hè vui vẻ nhé!

☐

Hẹn gặp lại cậu ngày mai!

☐

5 ✎ Viết vào chỗ trống trong bảng (theo mẫu):

Điều em thích ở trường em	Điều em muốn trường em thay đổi
M: có nhiều cây xanh	M: cầu thang rộng hơn
.....	
.....	
.....	
.....	

Bài 12 DANH SÁCH HỌC SINH

1 ✎ Dựa vào bài đọc, đánh dấu ✓ vào ô trống trước các ý đúng.

a. Bản danh sách có tác dụng gì?

- ☐ Nhìn vào danh sách, biết được số lượng học sinh.
- ☐ Theo bảng chữ cái, để tìm tên người trong danh sách.
- ☐ Biết được thông tin của từng người (VD: tên truyện đăng kí đọc).
- ☐ Giúp học thuộc bảng chữ cái nhanh nhất.

b. Tên học sinh trong bản danh sách được sắp xếp thế nào?

- ☐ Theo thứ tự trong bảng chữ cái
- ☐ Theo tên truyện đăng kí đọc
- ☐ Theo các nhóm học tập

2 ✎ Viết từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng g hoặc gh dưới hình.



.....

.....

.....

3 Chọn a hoặc b.

a. Điền s hoặc x rồi viết lời giải câu đố.

– Giữa đám lá mượt anh

Treo từng chùm chuông nhỏ

Trắng anh và hồng đỏ

Bừng áng cả vườn quê.

(Là quả)



– Cầu gì không bắc ngang ông

Không trèo qua uối mà chồng lên mây?

(Là)



b. Đặt dấu hỏi hoặc dấu ngã trên chữ in đậm.

Mắt **cua** ngôi nhà

Là **nhưng** ô **cư**a

Hai cánh khép **mơ**

Như hai hàng mi.

Môi khi người đi

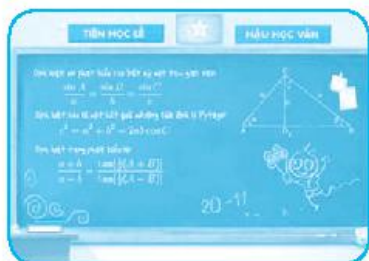
Mắt buồn ngủ miết

Người về mắt vui

Thức không biết mệt.

(Theo Đặng Vương Hưng)

4 Viết tên đồ vật dưới mỗi hình.



.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....



5 ✎ Viết câu nêu đặc điểm của một đồ vật ở trường, lớp.

M: Thân trống **nâu bóng**.

6 ✎ Đọc các bản đăng kí của các bạn tổ 2 lớp 2C dưới đây:

Câu lạc bộ <i>Bơi lội</i>	Câu lạc bộ <i>Cờ vua</i>	Câu lạc bộ <i>Võ thuật</i>
– Lê Minh Đức – Đỗ Kim Liên	– Nguyễn Phương Anh – Nguyễn Thị Hà – Hà Văn Quang	– Phạm Thị Ban – Ngô Văn Kha – Vũ Duy Nam

7 ✎ Dựa vào thông tin ở bài tập 6, hoàn thiện bản danh sách dưới đây:

Danh sách học sinh tổ 2 lớp 2C đăng kí tham gia câu lạc bộ

Số thứ tự	Họ và tên	Câu lạc bộ
1	Nguyễn Phương Anh	Cờ vua
2	Phạm Thị Ban	Võ thuật
3	Lê Minh Đức	Bơi lội
4		
5		
6		
7		
8		

- 1** Sắp xếp các tranh sau theo đúng trình tự bài đọc. (đánh số 1, 2, 3, 4 vào ô trống dưới tranh)



- 2** Những từ ngữ nào trong bài đọc thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ dành cho trường lớp? (đánh dấu ✓ vào ô trống dưới đáp án đúng)

ngọt ngào

☐

nhớ thương

☐

cười khúc khích

☐

vui đùa

☐

yêu mái trường

☐

yêu lớp học

☐

- 3** Gạch dưới từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật trong mỗi câu sau:

a. Sân trường rộng rãi.

b. Quyển vở trắng tinh.

c. Nét chữ ngay ngắn.

- 4** Viết 2 câu về lớp học của em có từ ngữ chỉ đặc điểm.

M: Lớp học **sôi nổi**.

a.

.....

b.

5 Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

A

Gương mặt các bạn

Lời cô

Sân trường

B

nhộn nhịp.

ngọt ngào.

hồng hào.

Bài 14 EM HỌC VẼ

1 Bức tranh cảnh biển của bạn nhỏ trong bài đọc có gì? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

☐ cánh diều, con thuyền trắng, cánh buồm đỏ

☐ con thuyền trắng, cánh buồm đỏ, sóng

☐ sóng, con thuyền trắng, bầu trời sao

2 Viết những từ ngữ chỉ sự vật có trong bài đọc.

M: lớp học,

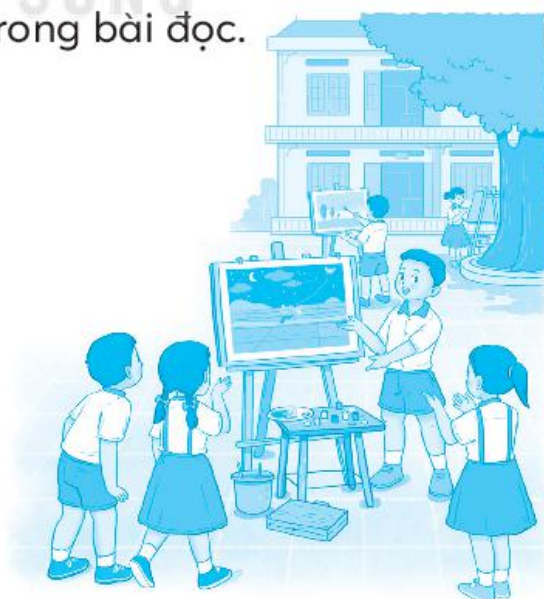
.....

.....

.....

.....

.....



3 ✎ Viết câu nêu đặc điểm có sử dụng từ:

– lung linh:

.....

– ối ối:

.....

– râm râm:

.....

4 ✎ Điền *ng* hoặc *nh* vào chỗ trống.

a. Trăme không bằng một thấy.

b. Có công mài sắt, cóày nên kim.

5 ✎ Chọn a hoặc b.

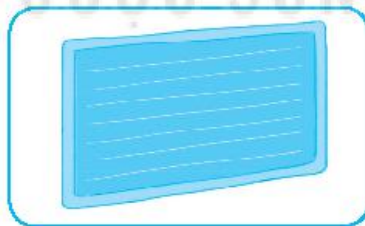
a. Viết vào chỗ trống tiếng bắt đầu bằng *r*, *d* hoặc *gi*.

– Chậm như ().

– Nhanh như ().

– Năng tốt (), mưa tốt lúa.

b. Viết từ ngữ có tiếng chứa *an* hoặc *ang* gọi tên sự vật trong mỗi hình.



.....

.....

.....

6 ✎ Viết 3 từ ngữ có tiếng chứa:

a. *ng* hoặc *nh*: M: con *ngan*,

b. *r*, *d* hoặc *gi*: M: *rửa tay*,

c. *an* hoặc *ang*: M: *hoa lan*,

7 ✎ Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi vào ô trống.

Bút chì: – Tầy ơi, cậu giúp tớ một chút được không ☐

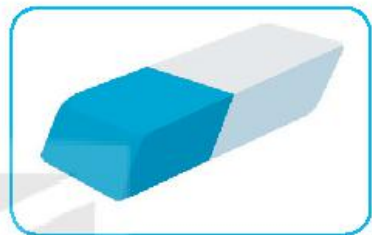
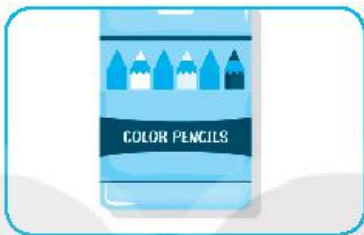
Tầy: – Cậu muốn tớ giúp gì nào ☐

Bút chì: – Tớ muốn xóa hình vẽ này ☐

Tầy: – Tớ sẽ giúp cậu ☐

Bút chì: – Cảm ơn cậu ☐

8 ✎ Viết một câu nêu công dụng của từng đồ dùng học tập dưới hình.



.....

.....

.....

.....

9 ✎ Dựa vào gợi ý, viết 3 – 4 câu giới thiệu về một đồ vật dùng để vẽ.

G: – Em muốn giới thiệu đồ vật nào?

– Đồ vật đó có đặc điểm gì?

– Em dùng đồ vật đó như thế nào?

– Nó giúp ích gì cho em trong việc vẽ tranh?

.....

.....

.....

.....

1 ✎ Nối từ ngữ ở cột A với nội dung thích hợp ở cột B.

A	B
tên sách	nơi cuốn sách ra đời
tác giả	thường chứa đựng nhiều ý nghĩa
nhà xuất bản	người viết sách, báo
mục lục	thể hiện các mục chính và vị trí của chúng trong cuốn sách

2 ✎ Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào nhóm thích hợp:

(tác giả, đọc sách, ghi, bìa sách, cuốn sách)

a. Từ ngữ chỉ sự vật:

.....

b. Từ ngữ chỉ hoạt động:

.....

3 ✎ Viết tiếp để hoàn thành câu:

a. Tên sách được đặt ở

b. Tên tác giả được đặt ở

4 Đọc mục lục ở tranh bên và điền thông tin vào chỗ trống.

a. Phần 2 có những mục:

.....

.....

.....

MỤC LỤC	
Phần 1. THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT	
khủng long	5
khỉ	6
Cá heo	14
Cá voi	18
Phần 2. THẾ GIỚI THỰC VẬT	
Xương rồng	22
Thỏ	25
Đuối	29
	33

b. Để tìm hiểu về cây xương rồng,
em đọc trang

5 Dựa vào bìa sách sau, điền thông tin vào chỗ trống.



Tên sách:

Tên tác giả:

Tên nhà xuất bản:

Bài 16

KHI TRANG SÁCH MỞ RA

1 Dựa vào khổ thơ thứ nhất trong bài đọc, điền từ ngữ còn thiếu vào chỗ trống.



Khi trang sách mở ra

..... xich lại

Bắt đầu là

Thứ đến là

Sau nữa là

Cuối cùng là

2 ✎ Gạch chân các từ ngữ chỉ sự vật trong hai khổ thơ sau:

Trong trang sách có biển
Em thấy những cánh bướm
Trong trang sách có rừng
Với bao nhiêu là gió.

Trang sách còn có lửa
Mà giấy chẳng cháy đâu
Trang sách có ao sâu
Mà giấy không hề ướt.

3 ✎ Câu thơ *Trang sách không nói được/ Sao em nghe điều gì có nghĩa là:*

☐ Trang sách không biết nói như con người nhưng vẫn cho ta biết nhiều điều.

☐ Trang sách không biết nói nhưng em vẫn nghe thấy điều gì đó.

4 ✎ Viết tên 2 tác giả của những cuốn sách em đã đọc.

a.

b.

5 ✎ Chọn a hoặc b.

a. Điền *l* hoặc *n* vào chỗ trống.

– Dao có mài mới sắc, người có học mớiên.

– Hay học thì sang, hayàm thì có.

–ật từng trang từng trang

Giấy trắng sờ mát rượi

Thơm tho mùi giấy mới

.....ắnót bàn tay xinh.

(Theo Nguyễn Quang Huy)

b. Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

– (gắn/găng): bó, cố, sức

– (nấn/nặng): ánh, uốn, nốt

– (vần/vãng): thơ, trắng, trán

– (vân/vâng): gỗ, lời, tay

6 ✎ Nối từ ngữ với nhóm thích hợp.

đen bóng	tờ giấy	trắng tinh	viên phấn
cái bảng	Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm	nhỏ xinh

7 ✎ Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ tương ứng ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

A	B
Bàn học của Bống	thơm mùi giấy mới.
Cuốn vở	lúc nào cũng ngăn nắp, gọn gàng.
Cục tẩy	nhỏ xíu như một viên kẹo.

8 ✎ Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi vào ô trống.

Sách ơi thức dậy	Lại còn anh bút
Vở ơi học bài	Trốn tí nơi đâu ☐
Ô kìa thước kẻ	Nhanh dậy mau mau
Sao cứ nằm dài ☐	Theo em đến lớp ☐

(Theo Ngọc Minh)

9 ✎ Viết 3 – 4 câu tả một đồ dùng học tập dựa trên các gợi ý sau:

- G: – Em chọn tả đồ dùng học tập nào?
– Nó có những đặc điểm gì? (về hình dạng, màu sắc)
– Nó giúp ích gì cho em trong học tập?
– Em có nhận xét hay suy nghĩ gì về đồ dùng học tập đó?

.....

.....

.....

.....

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1

TIẾT 1 – 2

1. Nối tên bài đọc tương ứng với nội dung của nó.

A

1. Tôi là học sinh lớp 2

2. Niềm vui của Bi và Bống

3. Một giờ học

4. Cái trống trường em

5. Cuốn sách của em

B

a. Kể về niềm vui của hai anh em.

b. Giới thiệu về sách.

c. Kể về ngày khai trường của một bạn học sinh lớp 2.

d. Nói về một đồ vật thân thuộc ở trường học.

e. Kể về cậu bé Quang tự tin nói trước lớp.

2. Đọc lại những bài đọc trên.

TIẾT 3 – 4

3. Viết từ ngữ gọi tên đồ vật vào chỗ trống.

a. Bắt đầu bằng *tr* Đồ vật ở trường Dùng để báo giờ học

b. Bắt đầu bằng *ch* Đồ vật trong nhà Dùng để quét nhà

c. Chứa vần *ang* Đồ vật trong lớp Dùng để viết

d. Chứa vắn an

Đồ vật ở góc học tập

Dùng đặt sách vở để viết

4 ✎ Viết tên đồ vật dưới hình.



M: cái kéo



5 ✎ Viết 2 câu nêu công dụng của 2 đồ vật ở bài tập 4.

6 ✎ Nối các từ ngữ để tạo câu nêu đặc điểm.

đôi mắt của bé

những vì sao

cầu vồng

tóc bà

lấp lánh
trong đêm

to tròn,
đen láy

đã bạc

rực rỡ sau
cơn mưa

TIẾT 5 – 6

7 ✎ Nối câu ở cột A với kiểu câu phù hợp ở cột B.

A

Bác An là nông dân.

Bác đang gặt lúa.

Bác rất chăm chỉ và cẩn thận.

B

Câu nêu đặc điểm

Câu nêu hoạt động

Câu giới thiệu

- 8 ✎ Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi vào ô trống.

ĂN GÌ TRƯỚC?

Hai anh em vừa ăn bánh vừa trò chuyện:

Anh: – Nếu cái bánh này hình chiếc ô tô, em sẽ ăn phần nào trước ☐

Em: – Em sẽ ăn bốn cái bánh xe ạ ☐

Anh: – Tại sao vậy ☐

Em: – Em phải ăn bánh xe trước để cái xe không chạy được nữa ☐ Nếu ăn các bộ phận khác, anh nghĩ cái xe chịu đứng yên cho em ăn nó hay sao?

(Trung Nguyên sưu tầm)

TIẾT 7 – 8

- 9 ✎ Chọn kể một câu chuyện mà em yêu thích.

TIẾT 9 – 10

- 10 ✎ Dựa vào bài đọc *Câu chuyện bó ổi*, đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng.

a. Khi lớn lên, tình cảm giữa anh và em trong câu chuyện như thế nào?

☐ hoà thuận ☐ không thay đổi ☐ không hoà thuận

b. Người cha nghĩ ra cách gì để khuyên bảo các con?

☐ Gọi các con lại và khuyên bảo

☐ Thử thách các con bằng việc bẻ bó ổi

☐ Cho các con tiền

c. Vì sao bốn người con không bẻ gãy được bó ổi?

☐ Vì họ cầm cả bó ổi để bẻ.

☐ Vì họ không đủ sức khoẻ.

☐ Vì bó ổi rất cứng.

d. Người cha bẻ gãy bó đuă bằng cách nào?

☐ Cầm cả bó đuă rồi bẻ

☐ Cởi bó đuă ra và bẻ từng chiếc một

☐ Lấy dao chặt bó đuă

e. Người cha muốn khuyên các con điều gì?

☐ Cần phải đoàn kết ☐ Cần phải bẻ đuă ☐ Nên chia sẻ ra

g. Nối từ ngữ ở cột A phù hợp với nghĩa của nó ở cột B.

A

hoà thuận

yêu thương

buồn phiền

B

buồn và lo nghĩ, không yên lòng

êm ảm, không có xích mích

có tình cảm gần bó tha thiết,
quan tâm, chăm sóc hết lòng

h. Nối những chiếc kẹo với túi phù hợp.



11 ✎ Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi hoặc một đồ dùng gia đình.

.....

.....

.....

.....

Bài 17 GỌI BẠN

- 1 ✎ Sắp xếp các sự việc dưới đây theo trình tự câu chuyện trong bài đọc. (đánh số 1, 2, 3, 4, 5 vào ô trống bên dưới)

Trời hạn hán,
cỏ héo khô.

Bê vàng
lạc đường.

Đôi bạn sống
bên nhau.

Bê vàng đi
tìm cỏ.

Dê trắng tìm
bạn khắp nơi.

- 2 ✎ Đánh dấu ✓ vào ô trống trước các từ ngữ chỉ tình cảm của dê trắng dành cho bê vàng.

- ☐ lo lắng, thương, nhớ
- ☐ quý mến, lo lắng, giúp đỡ
- ☐ che chở, chia sẻ, nhớ

- 3 ✎ Viết lại những từ ngữ chỉ hoạt động của bê vàng và dê trắng trong khổ thơ cuối.

Bê vàng	Dê trắng
M: đi tìm cỏ	
.....	
.....	
.....	

- 4 ✎ Viết một câu có sử dụng từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 3.

.....

.....

- 5 ✎ Viết 2 – 3 câu cho đoạn kết của câu chuyện trong bài thơ *Gọi bạn* theo ý của em.

.....

.....

.....

Bài 18 < TỔ NHỎ CẬU

- 1 ✎ Dựa vào bài đọc, đánh dấu ✓ vào ô trống trước những câu là lời của kiến.

- ☐ Cậu phải thường xuyên nhớ tớ đấy.
- ☐ A, thư của sóc!
- ☐ Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!



- 2 ✎ Viết tiếp để hoàn thành câu:

Kiến phải viết lại nhiều lần lá thư gửi cho sóc vì

.....

- 3 ✎ Viết từ có tiếng bắt đầu bằng c hoặc k gọi tên mỗi con vật trong hình.



.....



.....



.....



.....

4 Chọn a hoặc b.

a. Chọn tiếng trong ngoặc đơn (*hương, nhiều, khướu*) điền vào chỗ trống.

Sóc hái rất hoa để tặng bạn bè. Nó tặng
cao cổ một bó hoa thiên điều rực rỡ. Còn chim và chim
liều điều được sóc tặng một bó hoa bồ công anh nhẹ như bông.

b. Viết tiếp từ ngữ vào cột phù hợp.

Từ ngữ có tiếng chứa <i>en</i>	Từ ngữ có tiếng chứa <i>eng</i>
M: dễ mền	M: cái xẻng

5 Viết từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.

M: quý mến

.....
.....

6 Đặt 2 câu có sử dụng từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 5.

.....
.....
.....
.....
.....

7 Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

(thân thiết, nhớ, vui đùa)

Cá nhỏ và nòng nọc là đôi bạn Hằng ngày, chúng cùng nhau bơi lội. Thế rồi nòng nọc trở thành ếch. Nó phải lên bờ để sinh sống. Nhưng nó vẫn cá nhỏ. Thỉnh thoảng, nó nhảy xuống ao cùng cá nhỏ.

8 Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào ô trống.

- a. Sốc ơi, cậu có làm nhiều bánh sinh nhật mời bạn tớ không ☐
- b. Tớ nướng rất nhiều bánh đến nỗi không đếm xuể ☐
- c. Tuyệt vời quá ☐

9 Viết 3 – 4 câu kể về một hoạt động em tham gia cùng các bạn.

G: – Em đã cùng các bạn tham gia hoạt động gì?

– Hoạt động đó diễn ra ở đâu? Có những bạn nào cùng tham gia?

– Em và các bạn đã làm những gì?

– Em cảm thấy thế nào khi cùng bạn tham gia hoạt động đó?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 1 ✎ Sắp xếp các ý sau theo đúng trình tự của bài đọc (đánh số 1, 2, 3, 4 vào ô trống ở dưới).

Chữ A mơ ước tự mình làm ra một cuốn sách.

Chữ A nhận ra vai trò của các bạn B, C, D, Đ, E,...

Chữ A nhấn nhủ các bạn nhỏ chăm chỉ đọc sách.

Chữ A nói về vị trí của mình trong bảng chữ cái tiếng Việt.

- 2 ✎ Viết tiếp để có lời cảm ơn của chữ A với các bạn chữ.

Cảm ơn các bạn! Nhờ có các bạn, chúng ta đã

.....

- 3 ✎ Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào ô thích hợp.

(ngạc nhiên, gặp, nhắc, vui sướng, làm quen, sống sót, làm ra, nói)

Từ ngữ chỉ hoạt động

.....

.....

.....

Từ ngữ chỉ cảm xúc

.....

.....

.....

- 4 ✎ Viết từ ngữ chỉ cảm xúc phù hợp với từng gương mặt sau:



.....

.....



.....

.....



.....

.....



.....

.....

5 ✎ Viết 2 câu có sử dụng từ ngữ ở bài tập 4.

.....

.....

.....

Bài 20 NHÍM NÂU KẾT BẠN

1 ✎ Theo bài đọc, vì sao nhím trắng và nhím nâu có những ngày mùa đông vui vẻ, ấm áp? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ Vì nhím trắng và nhím nâu có nhiều bạn mới.
- ☐ Vì nhím trắng và nhím nâu được ở cùng nhau.
- ☐ Vì nhím trắng và nhím nâu kiếm được nhiều quả cây.

2 ✎ Chọn và viết lại những từ ngữ nói về nhím trắng.



.....

.....

3 ✎ Điền *g* hoặc *gh* vào chỗ trống.

a. Suốiặp bạn rồi
.....óp thành sông lớn.

Sông đi ra biển

Biển thành mênh mông.

(Theo Nguyễn Bao)

b. Quảắc nào mà chín

Cũngặp được mặt trời.

(Theo Nguyễn Đức Quang)

c. Năngé vào cửa lớp

Xem chúng em học bài.

(Theo Nguyễn Xuân Sanh)

4 ✎ Viết vào chỗ trống.

a. Từ có tiếng chứa *iu* hoặc *ưu*.

M: lú lo, lưu luyến,

b. Từ có tiếng chứa *iên* hoặc *iêng*.

M: hiền lành, siêng năng,

5 ✎ Chọn a hoặc b.

a. Điền *iu* hoặc *ưu* vào chỗ trống.

– Cái mỏ tí hon

Hai chân bé x.....

Lông vàng mát d.....

Chiếp chiếp suốt ngày.

– C..... vốn tính nết hiền lành

Lông c..... dày, xộp làm thành áo len.



b. Điền *iên* hoặc *iêng* vào chỗ trống.

S..... năng và k..... nhẫn

Nổi t..... biết lo xa

Kh..... thức ăn về nhà

Trữ cho ngày mưa bão.

6 Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

(nhường bạn, giúp đỡ, chia sẻ, chăm chỉ)

a. Mẹ cho Hải cái bánh rất ngon. Hải mang đến cho Hà và Xuân cùng ăn. Mẹ khen: "Con biết cùng bạn bè rồi đấy."



b. Biết Hải ốm, phải nghỉ học, Xuân mang sách vở sang, giảng bài cho bạn. Hải xúc động vì bạn đã khi mình bị ốm.

c. Hải và Xuân đều muốn ngồi bàn đầu. Nhưng ở đó chỉ còn một chỗ. Xuân xin cô cho Hải được ngồi chỗ mới. Cô khen Xuân đã biết



7 Viết một câu về hoạt động em thích trong giờ ra chơi.

.....

.....

8 Viết 3 – 4 câu kể về một giờ ra chơi ở trường em.

G: – Trong giờ ra chơi, em và các bạn thường vui chơi ở đâu (trong lớp hay ngoài sân)?

– Em và các bạn thường chơi trò chơi gì?

– Em thích hoạt động nào nhất?

– Em cảm thấy thế nào sau mỗi giờ ra chơi?

.....

.....

.....

.....

Bài 21 THẢ DIỀU

- 1/ Những sự vật nào giống cánh diều được nhắc tới trong bài đọc? (đánh dấu ✓ vào ô trống dưới hình chỉ đáp án đúng)


☐

☐

☐

☐

☐

- 2/ Từ ngữ nào được dùng để nói về âm thanh của sáo diều? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

☐ no gió

☐ trong ngần

☐ uốn cong

- 3/ Gạch chân từ ngữ chỉ sự vật trong 2 câu thơ dưới đây:

Sao trời trôi qua

Diều thành trăng vàng.

- 4/ Viết 1 – 2 câu có sử dụng từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 3.

.....

.....

.....

.....

- 5 ✎ Viết 1 – 2 câu về nhân vật em thích trong câu chuyện *Chúng mình là bạn*.



Bài 22 < TỎ LÀ LÊ-GÔ

- 1 ✎ Theo bài đọc, những từ ngữ nào chỉ lợi ích của trò chơi lê-gô? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)
- ☐ Trí tưởng tượng phong phú, khả năng sáng tạo và sự vui vẻ
 - ☐ Trí tưởng tượng phong phú, khả năng sáng tạo và tính kiên nhẫn
 - ☐ Trí tưởng tượng phong phú, khả năng sáng tạo và sự chăm chỉ
- 2 ✎ Viết lại từ ngữ tả khối lê-gô có trong bài đọc.

- 3 ✎ Viết 2 – 3 câu có sử dụng từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 2.

- 4 ✎ Điền *ng* hoặc *nh* vào chỗ trống.

a. Dù ai nói ả nói iêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

b.ười không học nhưọc không mài.

c. Mấy cậu bạn đangóiêng tìm chỗ chơi đá cầu.

5 Chọn a hoặc b.

a. Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống.

.....ung thuung sứcongóngong xanh

b. Điền *uôn* hoặc *uông* vào chỗ trống.



ch..... gió

ch..... ch.....

c..... chỉ

6 a. Khoanh vào tên gọi các đồ chơi có trong ô chữ.

S	X	Ú	C	X	Ắ	C	N
I	A	Đ	Ấ	T	N	Ặ	N
Ê	C	Á	N	G	Ự	A	R
U	B	Ú	P	B	Ê	X	Ô
N	Đ	Ồ	H	À	N	G	B
H	V	D	I	Ề	U	Ề	Ố
Â	E	S	L	Ê	G	Ô	T
N	B	Ậ	P	B	Ê	N	H

b. Viết lại các từ đã tìm được ở bài a.

M: xúc xắc

.....

.....

7 Chọn từ tìm được ở bài tập 6 điền vào chỗ trống.

a. Mẹ lắc chiếc..... xinh xắn, tạo ra những âm thanh vui tai để dỗ em bé.

b. Linh chạy thật nhanh để..... bay lên cao.

c. Những khối..... hầu hết có hình viên gạch, được làm bằng nhựa đầy màu sắc.

8 Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết lại câu hoàn chỉnh.

a. rất, mềm mại, chú gấu bông

.....

b. sắc sỡ, có nhiều màu sắc, đồ chơi lê-gô

.....

c. xinh xắn, bạn búp bê, và dễ thương

.....

9 Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi mà trẻ em yêu thích.

G: – Em muốn giới thiệu đồ chơi nào?

– Đồ chơi đó có đặc điểm gì nổi bật?

– Em có nhận xét gì về đồ chơi đó?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 23 RỒNG RẮN LÊN MÂY

1 Theo bài đọc, người chơi làm thành rồng rắn bằng cách nào? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

☐ Người chơi túm áo nhau, đứng thành hai hàng đối diện nhau. Một hàng làm rồng rắn. Một hàng làm thầy thuốc.

☐ Người chơi túm áo nhau đứng thành vòng tròn làm rồng rắn. Một người làm thầy thuốc đứng ở giữa.

☐ Người chơi túm áo nhau làm rồng rắn. Một người làm thầy thuốc đứng đối diện với rồng rắn.



2 Viết tiếp vào chỗ trống để hoàn thành câu.

a. Nếu thầy thuốc nói "không" thì.....

b. Nếu thầy thuốc nói "có" thì

c. Nếu bạn khúc đuôi để thầy bắt được thì.....

d. Nếu bạn khúc giữa để đứt thì.....

3 Viết một câu về điều em thích trong trò chơi *Rồng rắn lên mây*.

- 4 ✎ Viết một câu về bạn Hoa trong câu chuyện *Búp bê biết khóc*.

.....

.....

Bài 24 < NẶN ĐỒ CHƠI

- 1 ✎ Đánh dấu ✓ vào ô trống trước thông tin đúng theo nội dung bài đọc.

- ☐ Bé ngồi bên thêm để nặn đồ chơi.
- ☐ Bé nặn quả thị, quả na để tặng bố mẹ.
- ☐ Bé nặn chiếc cối giã trầu để biếu bà.
- ☐ Bé nặn con cá tặng chú mèo.
- ☐ Bé phơi đồ chơi ngoài nắng sau khi nặn xong.

- 2 ✎ Viết lại từ ngữ trong bài cho biết chú mèo rất vui vì được bé tặng quà.

.....

.....

- 3 ✎ Viết thêm 2 – 3 từ ngữ chỉ cảm xúc vui mừng.

.....

.....

- 4 ✎ Nối *da* hoặc *gia* với các tiếng để tạo từ ngữ. Viết lại 3 từ ngữ vừa tạo được.

da

gia

cặp

cầm

vị

dẻ

đình

.....

.....

.....

5 Chọn a hoặc b.

a. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống.



Kéo cưa
(lừa sỏ/ lừa xỏ)



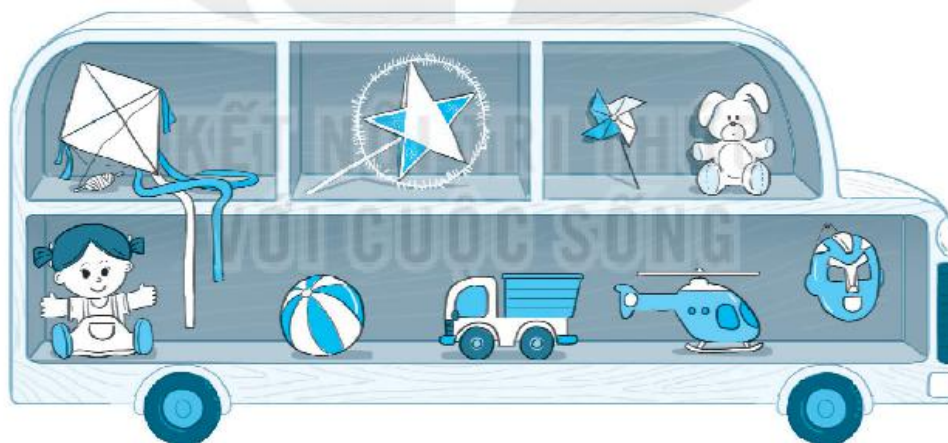
Múa
(sạp/xạp)

b. Điền *ươn* hoặc *ương* vào chỗ trống.

– Con đ..... uốn l..... quanh s..... núi.

– Hoa h..... d..... v..... mình đón ánh mặt trời.

6 Điền thông tin về từng đồ chơi trong hình (theo mẫu).



Đồ chơi	Đặc điểm
M: quả bóng	màu xanh pha trắng
.....	
.....	
.....	

7 Điền dấu *phẩy* vào vị trí thích hợp trong mỗi câu sau:

- a. Em thích chơi đồ chơi ô tô máy bay.
- b. Bố dạy em làm đèn ông sao điều giấy.
- c. Các bạn đá bóng đá cầu nhảy dây trên sân trường.
- d. Buổi tối Phương cất sách vở ngồi vào bàn đọc truyện. Chẳng mấy chốc đã đến giờ đi ngủ. Phương chưa kịp dọn bộ đồ hàng đang chơi dở chưa kịp xem bộ cá ngựa bố mới mua cho. Phương bảo mẹ: "Hay con vặn lại đồng hồ mẹ nhé!".

8 Kể tên những đồ chơi của em. Em thích đồ chơi nào nhất? Vì sao?

- a. Những đồ chơi của em:
- b. Đồ chơi em thích nhất là:
- c. Em thích đồ chơi đó nhất vì:

9 Viết 3 – 4 câu tả một đồ chơi của em.

G: – Em định tả đồ chơi nào?

– Nó có đặc điểm gì?

– Em thường chơi đồ chơi đó vào những lúc nào?

– Em có tình cảm gì đối với đồ chơi đó?

Bài 25 SỰ TÍCH HOA TỬ MUỘI

1 Dựa vào bài đọc, nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B.

A

Nết và Na

Nết thương Na

Nết cống em

Nơi bàn chân Nết đi qua

Hoa kết thành chùm, bông
hoa lớn che chở cho nụ hoa bé

B

chạy theo dân làng đến
nơi an toàn.

đẹp như tình chị em của
Nết và Na.

cái gì cũng nhường em.

mồ côi cha mẹ.

mọc lên những khóm hoa
đỏ thắm.

2 Gạch chân từ ngữ thể hiện tình cảm chị em trong câu: "Nết thương Na, cái gì cũng nhường em.". Viết thêm 3 từ ngữ nói về tình cảm anh, chị, em.

.....

.....

.....

3 Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.

(đỏ thắm, chạy theo, cống, bé nhỏ, đẹp, đi qua, cao, gặt đầu)

a. Từ ngữ chỉ hoạt động:

b. Từ ngữ chỉ đặc điểm:

- 4 ✎ Viết 1 – 2 câu về sự việc khiến em cảm động trong câu chuyện *Hai anh em*.

Bài 26 EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG

- 1 ✎ Khổ thơ thứ nhất trong bài đọc nói đến điều gì? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)
- ☐ Em bé rất xinh xắn, ngây thơ, đáng yêu.
 - ☐ Bạn nhỏ rất yêu em bé.
 - ☐ Em bé đến từ một nơi rất xa.
- 2 ✎ Trong khổ thơ thứ hai và thứ ba, bạn nhỏ đoán em bé từ đâu đến? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)



☐ ngôi sao



☐ mặt biển



☐ đám mây



☐ nụ hoa



☐ quả nhãn

3 ✎ Viết 2 – 3 từ ngữ tả em bé.

.....

.....

4 ✎ Điền *iên, yên* hoặc *uyên* vào chỗ trống.

- Ngoài h....., trời lạnh gió.
- Hàng cây đứng lặng giữa trưa hè oi ả.
- Chim vành kh..... cất vang tiếng hót.

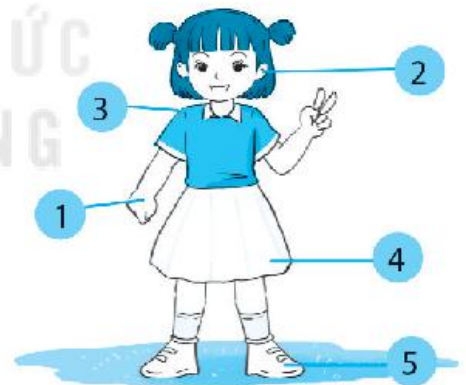
5 ✎ Chọn a hoặc b.

a. Chọn tiếng thích hợp điền vào chỗ trống.

- Mẹ (*dắt/ rắt*) em đến trường.
- Tiếng sáo diều réo (*dắt/ rắt*)
- Em bé (*gieo/ reo*) lên khi thấy mẹ về.
- Chị Bống cẩn thận (*gieo/ reo*) hạt vào chậu đất nhỏ.

b. Nhìn tranh, viết từ ngữ gọi tên sự vật có tiếng chứa *ai* hoặc *ay*.

- (1)
- (2)
- (3)
- (4)
- (5)



6 ✎ Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

(*chải, chạy, rộn, dọn, giặt*)

Sáng Chủ nhật, cả nhà đều bận Bố dọn nhà cửa. Mẹ giặt quần áo. Chị Bống tóc cho em. Em bé tung tăng nhảy.

7 Tìm từ phù hợp điền vào chỗ trống.

- a. Em trai của mẹ gọi là
- b. Em trai của bố gọi là
- c. Em gái của mẹ gọi là
- d. Em gái của bố gọi là

8 Gạch chân các từ ngữ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ dưới đây:

Bà ơi hãy ngủ	Hương bưởi hương cau
Có cháu ngồi bên	Lấn vào tay quạt
Căn nhà vắng vẻ	Cho bà nằm mát
Khu vườn lặng im.	Giữa vòng gió thơm.

(Quang Huy)

9 Viết 1 – 2 câu có sử dụng các từ vừa tìm được ở bài tập 8.

.....

.....

10 Viết 3 – 4 câu kể về một việc người thân đã làm cho em.

- G: – Người thân mà em muốn kể là ai?
- Người thân của em đã làm việc gì cho em?
 - Em có suy nghĩ gì về việc người thân đã làm?
 - Nêu tình cảm của em đối với người thân.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 27 MẸ

1 Theo em, câu thơ *Mẹ là ngọn gió của con suốt đời* muốn nói điều gì? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước câu trả lời đúng)

- ☐ Có mẹ quạt mát, con ngủ ngon lành.
- ☐ Tay mẹ quạt mát hơn cả gió trời.
- ☐ Mẹ là niềm hạnh phúc của cuộc đời con.

2 Viết một câu thể hiện lòng biết ơn đối với cha mẹ.
M: Con cảm ơn mẹ, vì mẹ thường dạy con học bài.

.....

.....

3 Viết 2 từ ngữ nói về nắng.

M: nắng oi

.....

.....

4 Viết một câu có sử dụng từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 3.

.....

.....

5 Viết 1 – 2 câu nói về tình cảm của cậu bé với người mẹ trong câu chuyện *Sự tích cây vú sữa*.

.....

.....

.....

Bài 28 < TRÒ CHƠI CỦA BỐ

1 Trong bài đọc, khi chơi cùng bố, Hường đã được bố dạy những nét ngoan nào? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ Cần biết nấu các món ăn
- ☐ Cần có cử chỉ và lời nói lễ phép
- ☐ Cần chăm làm và biết giúp đỡ bố mẹ

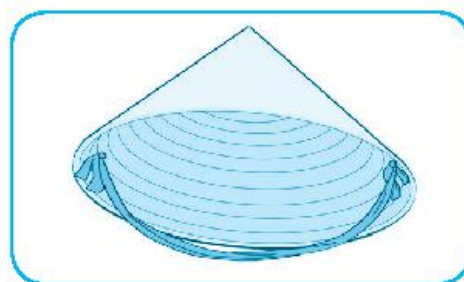


2 Đánh dấu ✓ vào ô trống trước câu thể hiện thái độ lịch sự.

- ☐ Cho tôi xin bát miến.
- ☐ Dạ, xin bác bát miến ạ.
- ☐ Đưa tôi bát miến!

3 Chọn a hoặc b.

a. Viết từ ngữ gọi tên sự vật có tiếng bắt đầu bằng l hoặc n dưới hình.





b. Điền *ao* hoặc *au* vào chỗ trống.

– Hàng c..... trước cổng c..... vút.

– Cây bưởi s..... nhà sai trĩu quả.

– Buổi tối, nhà Hà thường xem ti vi. Bố thích xem chương trình thể th..... Mẹ thì quan tâm tới dự b..... thời tiết. Hà thích xem Đồ rê mí. S..... này lớn lên, Hà muốn trở thành người dẫn chương trình.

4 Đánh dấu ✓ vào ô trống trước dòng gồm các từ ngữ chỉ tình cảm của người thân trong gia đình.

☐ chăm sóc, yêu thương, quan tâm, chăm chỉ

☐ yêu thương, kính trọng, vui chơi, quan tâm

☐ quan tâm, chăm sóc, yêu thương, kính trọng

5 Viết một câu có sử dụng từ ngữ chỉ tình cảm gia đình ở bài tập 4.

.....

.....

.....

.....

6 ✎ Gạch chân các từ ngữ nói về tính cách của người bố trong đoạn văn sau:

Khi dạy em học, bố rất kiên nhẫn. Khi chơi cùng em, bố rất vui tính. Khi em mắc lỗi, bố nghiêm khắc dạy bảo nhưng cũng dễ tha thứ.

7 ✎ Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than vào ô trống.

Bố: – Nam ơi Con hãy đặt một câu có từ "đường" nhé

Con: – Bố em đang uống cà phê

Bố: – Thế từ "đường" đâu

Con: – Dạ, đường có ở trong cốc cà phê rồi ạ

(Theo Truyện cười thông minh dí dỏm)

8 ✎ Viết 3 – 4 câu thể hiện tình cảm của em với người thân.

G: – Em muốn kể về ai trong gia đình?

– Em có tình cảm thế nào với người đó?

– Vì sao em có tình cảm như vậy với người đó?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 29 CÁNH CỬA NHỎ BÀ

1 Dựa vào bài đọc, nối ý ở cột A phù hợp với nội dung ở cột B.

A

Khi cháu còn thơ bé

Lúc cháu lớn dần lên

Khi cháu đã trưởng thành

B

Cháu rất nhớ bà.

Cháu chỉ cài được then dưới của cánh cửa.

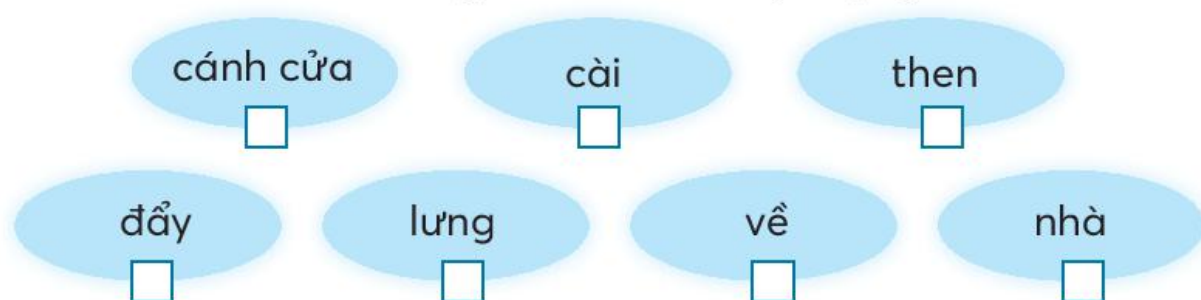
Bà chỉ cài được then dưới của cánh cửa.

2 Sắp xếp các bức tranh theo thứ tự của 3 khổ thơ trong bài đọc.

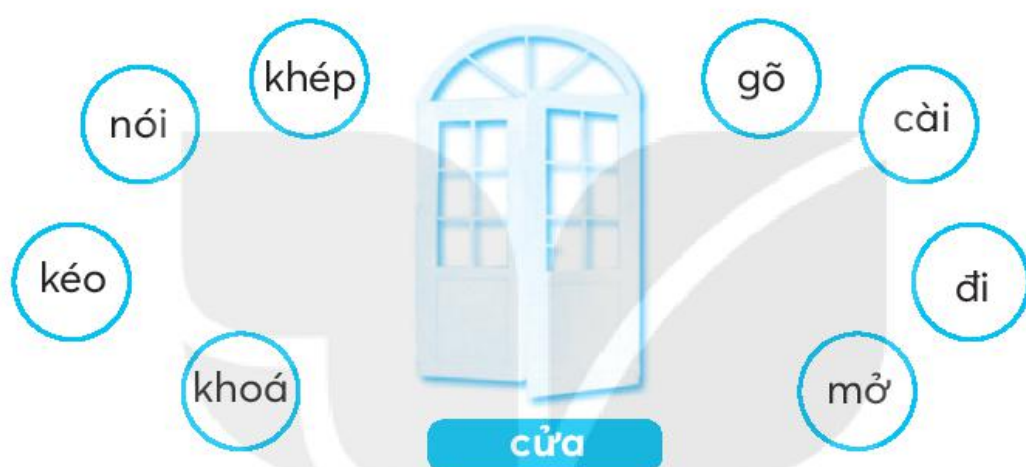


Thứ tự sắp xếp các bức tranh là:

3 ✎ Đánh dấu ✓ vào ô trống dưới từ chỉ hoạt động.



4 ✎ Nối những từ chỉ hoạt động có thể kết hợp với từ cửa.



5 ✎ Viết một câu về nhân vật em thích trong câu chuyện Bà cháu.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 30 < THƯƠNG ÔNG

1 ✎ Trong bài đọc, khi thấy ông bị đau, Việt đã làm gì để giúp ông?
(đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ Việt lại gần động viên ông.
- ☐ Việt để ông vịn vai mình rồi đỡ ông đứng lên.
- ☐ Việt âu yếm nắm lấy tay ông.

2 ✎ Đánh dấu ✓ vào ô trống trước dòng gồm từ ngữ tả dáng vẻ của Việt.

- ☐ âu yếm, lon ton, nhăn nhó
- ☐ âu yếm, lon ton, nhanh nhẩu
- ☐ âu yếm, lon ton, khập khiễng khập khà

3 ✎ Chọn a hoặc b.

a. Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống.

Lần đầu tiên họcữ

Bé tung tăng khắp nhà

–ữ gì như quảứng gà ?

.....ốngoai nhanh nhẩu đáp là : "O... o!".

(Theo Trương Xương)

b. Điền *ac* hoặc *at* vào chỗ trống.



múa h.....

quét r.....

cô b.....

rửa b.....

ph.....quà

ca nh.....

4 ✎ Viết từ ngữ chỉ hoạt động của từng người trong tranh.



.....

.....

.....

.....



.....

.....

5 ✎ Viết 4 câu có sử dụng từ ngữ vừa tìm được phù hợp với 4 tranh ở bài tập 4.

.....

6 ✎ Viết 3 – 5 câu kể về một công việc em đã làm cùng người thân.

G: – Em đã cùng người thân làm việc gì? Khi nào?

– Em đã cùng người thân làm việc đó như thế nào?

– Em cảm thấy thế nào khi làm việc cùng người thân?

.....

Bài 31 **ÁNH SÁNG CỦA YÊU THƯƠNG**

1 Theo bài đọc, Ê-đi-xơn đã làm cách nào để có ánh sáng, giúp bác sĩ kịp thời phẫu thuật cho mẹ? (đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng)

- ☐ Để một mảnh sắt tây trên tủ
- ☐ Mượn gương, thắp đèn nến trước gương
- ☐ Ôm đầu suy nghĩ rồi chạy đi



2 Đánh dấu ✓ dưới từ ngữ thể hiện tình cảm của Ê-đi-xơn dành cho mẹ.

thương
☐

sáng trưng
☐

lo lắng
☐

rạng rỡ
☐

yêu thương
☐

yêu quý
☐

3 Viết một câu có sử dụng từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 2.

.....

.....

- 4 ✎ Tưởng tượng cuộc nói chuyện của Ê-đi-xơn và mẹ, hoàn thành đoạn hội thoại sau:

Ê-đi-xơn: – Mẹ tỉnh chưa mẹ?

Mẹ Ê-đi-xơn: –

Ê-đi-xơn: –

- 5 ✎ Viết một câu về cậu bé Ê-đi-xơn trong câu chuyện *Ánh sáng của yêu thương*.

.....
.....

Bài 32 < CHƠI CHONG CHÓNG

- 1 ✎ Đánh dấu ✓ vào ô trống trước dòng nêu những cách mà anh em An đã làm để chong chóng quay.

☐ thổi phù phù, chạy thật nhanh, dùng tay xoay chong chóng

☐ chạy thật nhanh, giơ chong chóng ra trước quạt máy, thổi phù phù

☐ thổi phù phù, chạy thật nhanh, quạt chong chóng bằng quạt nan



- 2 ✎ Viết lại những từ ngữ trong bài đọc tả chiếc chong chóng.

.....
.....
.....

3 ✎ Viết một câu có sử dụng từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 2.

.....

.....

4 ✎ Chọn a hoặc b.

a. Điền *iu* hoặc *ưu* vào chỗ trống.

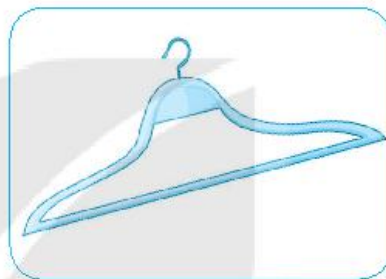
s..... tâm

phụng ph.....

d..... dàng

t..... trường

b. Viết từ ngữ chỉ sự vật có tiếng chứa *ắt, ắc, ật* hoặc *ác* dưới hình.



.....

.....

5 ✎ Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

(*che chở, chia sẻ, vỗ về, chăm sóc*)

a. Chị cho em đồ chơi của chị. (M: chia sẻ)

b. Gà mẹ dang cánh ôm đàn gà con khi trời đổ mưa. (.....)

c. Bà đắp khăn lên trán em khi em bị sốt. (.....)

d. Mẹ ôm em bé, vỗ lưng, an ủi khi em bé khóc. (.....)

6 ✎ Đánh dấu ✓ vào ô trống trước câu nói về tình cảm anh chị em.

- ☐ Chị ngã em nâng.
- ☐ Lá lành đùm lá rách.
- ☐ Anh thuận em hoà là nhà có phúc.
- ☐ Anh em như thể chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

7 ✎ Viết từ ngữ chỉ tình cảm gia đình.

M: che chở

.....

.....

.....

8 ✎ Điền dấu *phẩy* vào vị trí thích hợp trong các đoạn văn sau:

- a. Sóc anh sóc em kiếm được rất nhiều hạt dẻ. Hai anh em để dành hạt lớn cho bố mẹ. Hạt vừa hạt nhỏ để hai anh em ăn.
- b. Chị tứ rất quan tâm chăm sóc tứ. Chị thường hướng dẫn tứ làm bài tập chơi với tứ cùng tứ làm việc nhà. Tứ yêu chị lắm!

9 ✎ Viết tin nhắn cho người thân.

Ông qua nhà đưa em đi mua sách. Lúc đó, bố mẹ đi vắng.
Em hãy viết tin nhắn cho bố mẹ yên tâm.

.....

.....

.....

.....

.....

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

TIẾT 1 – 2

1 ✎ Viết tên bài đọc đã học dưới mỗi tranh.



2 ✎ Viết một câu về bài đọc em thích nhất.

TIẾT 3 – 4

3 ✎ Viết lời giới thiệu về bản thân với các bạn khi em chuyển đến lớp mới.

TIẾT 5 – 6

4 Nhìn các tranh ở dưới, viết từ ngữ:



a. Chỉ người: người bán hàng,

b. Chỉ vật: cành đào,

c. Chỉ hoạt động: bán hàng,

5 Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than vào ô trống.

Chị: – Em đang viết gì đấy ☐

Em: – Em đang viết thư cho em ☐

Chị: – Hay đấy ☐ Trong thư nói gì ☐

Em: – Ngày mai, nhận được thư em mới biết ☐

(Theo Tiếng cười học trò)

TIẾT 7 – 8

6 Điền tiếng chứa *iên* hoặc *yên* vào chỗ trống.

- rộng mênh mông.
- Xóm làng bình
- núi có ruộng bậc thang.
- Đêm đã khuya, bốn bề tĩnh.
- Ở góc vườn, đàn chăm chỉ công thức ăn về tổ.
- Chim thường làm tổ ở vách đá cao ngoài khơi xa.

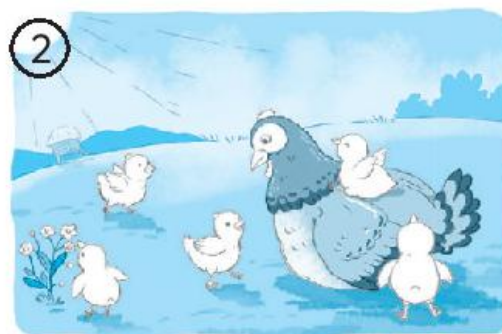
7 ✎ Viết tiếp các câu kể về gà mẹ và đàn con.



– Sáng tinh mơ, gà mẹ.....

.....

.....



– Gà mẹ cho đàn con

.....

.....



– Gà mẹ dẫn con đi

.....

.....



– Buổi trưa, gà mẹ và đàn con

.....

.....

TIẾT 9 – 10

8 ✎ Dựa vào câu chuyện *Cỏ và lúa* (SHS, trang 141), đánh dấu ✓ vào ô trống trước đáp án đúng và thực hiện các yêu cầu.

a. Trong câu chuyện, lúa và cỏ có mối quan hệ như thế nào?

☐ Là bạn của nhau

☐ Là hai chị em ruột

☐ Là láng giềng của nhau

b. Nối từ ở cột A với ý phù hợp ở cột B.

A

B

cỏ

lúa

làm ra những hạt thóc vàng

chăm chỉ

ốm o gầy còm, chẳng làm ra sản phẩm gì

lười biếng

sống dựa dẫm vào ngô, khoai, sắn,...

c. Vì sao cỏ không được ai ưa thích?

.....

.....

.....

d. Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than vào ô trống.

Cỏ: – Chị lúa ơi, chị cho em ở lại nhà chị được không ☐

Lúa: – Ừ, em ở lại đây, chị em mình sẽ cùng nhau làm việc ☐

Cỏ: – Cảm ơn chị nhé ☐

 9. Viết 3 – 5 câu kể về một việc làm tốt của em ở nhà hoặc ở trường.

G: – Việc tốt em đã làm là việc gì?

– Em làm việc đó ở đâu, khi nào?

– Em có suy nghĩ, cảm xúc gì sau khi làm việc đó?

.....

.....

.....

.....

.....

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN

Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Vở bài tập Tiếng Việt 2 – tập một

Mã số: G1BH2V001H21

In cuốn (QĐ SLK), khổ 17 x 24cm.

In tại Công ty cổ phần in

Số ĐKXB: 93-2021/CXBIPH/5-31/GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm

Mã số ISBN: 978-604-0-25106-0



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 2 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập một
2. Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập hai
3. Tập viết 2, tập một
4. Tập viết 2, tập hai
5. Vở bài tập Toán 2, tập một
6. Vở bài tập Toán 2, tập hai
7. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2
8. Vở bài tập Đạo đức 2
9. Vở bài tập Mỹ thuật 2
10. Vở bài tập Âm nhạc 2
11. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2
12. Sách bài tập Tiếng Anh 2

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-25106-0



9 786040 251060

Giá: 14.000 đ